MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	**1**
Danh mục các chữ viết tắt	**4**
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	**6**
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	**8**
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	**15**
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	**15**
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	**16**
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	**17**
Tiêu chuẩn 1	**17**
Mở đầu	**17**
Tiêu chí 1.1	**17**
Tiêu chí 1.2	**19**
Tiêu chí 1.3	**19**
Tiêu chí 1.4	**21**
Tiêu chí 1.5	**22**
Tiêu chí 1.6	**23**
Tiêu chí 1.7	**24**
Tiêu chí 1.8	**25**
Tiêu chí 1.9	**26**
Tiêu chí 1.10	**27**
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	**28**
Tiêu chuẩn 2	**28**

Mở đầu	**28**
Tiêu chí 2.1	**29**
Tiêu chí 2.2	**30**
Tiêu chí 2.3	**32**
Tiêu chí 2.4	**34**
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	**35**
Tiêu chuẩn 3	**35**
Mở đầu	**35**
Tiêu chí 3.1	**36**
Tiêu chí 3.2	**37**
Tiêu chí 3.3	**39**
Tiêu chí 3.4	**40**
Tiêu chí 3.5	**42**
Tiêu chí 3.6	**43**
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	**44**
Tiêu chuẩn 4	**45**
Mở đầu	**45**
Tiêu chí 4.1	**45**
Tiêu chí 4.2	**46**
Kết luận về Tiêu chuẩn 4	**48**
Tiêu chuẩn 5	**48**
Mở đầu	**48**
Tiêu chí 5.1	**48**
Tiêu chí 5.2	**50**
Tiêu chí 5.3	**51**

Tiêu chí 5.4	**52**
Tiêu chí 5.5	**54**
Tiêu chí 5.6	**55**
Kết luận về Tiêu chuẩn 5	**57**
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	**58**
Tiêu chí 1	**58**
Tiêu chí 2	**58**
Tiêu chí 3	**58**
Tiêu chí 4	**58**
Tiêu chí 5	**59**
Tiêu chí 6	**59**
Kết luận	**59**
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	**59**
Phần IV. PHỤ LỤC	Error! Bookmark not defined.

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Cụm từ viết tắt	Cụm từ đầy đủ
1	✓	Mặc nhiên đạt mức 3 khi tiêu chí đạt mức 2.
2	ANTT	An ninh trật tự
3	ATGT	An toàn giao thông
4	BC	báo cáo
5	BCH	Ban chấp hành
6	BĐDCMHS	Ban đại diện cha mẹ học sinh
7	BGH	Ban giám hiệu
8	CB	cán bộ
9	CĐCS	công đoàn cơ sở
10	CM	chuyên môn
11	CTCĐ	chủ tịch công đoàn
12	CTĐ	chữ thập đỏ
13	đ/c	đồng chí
14	ĐTN	đoàn thanh niên
15	GVBM	giáo viên bộ môn
16	GVCN	giáo viên chủ nhiệm
17	GVDG	giáo viên dạy giỏi
18	HĐNGLL	hoạt động ngoài giờ lên lớp
19	HKI	học kỳ I
20	HKII	học kỳ 2
21	HS	học sinh
22	HSG	học sinh giỏi
23	HT	Hiệu trưởng

24	NV	nhân viên
25	P. HT	phó Hiệu trưởng
26	QCDC	quy chế dân chủ
27	QĐ	Quyết định

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	
Tiêu chí 1.2		X	X	✓
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	
Tiêu chí 1.5		X	X	
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X	X	✓
Tiêu chí 1.8		X	X	✓
Tiêu chí 1.9		X	X	✓
Tiêu chí 1.10		X	X	✓
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	
Tiêu chí 2.2		X	X	
Tiêu chí 2.3		X	X	
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	
Tiêu chí 3.3		X	X	X

Tiêu chí 3.4		X	X	✓
Tiêu chí 3.5		X	X	
Tiêu chí 3.6		X	X	X
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	
Tiêu chí 4.2		X	X	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	✓
Tiêu chí 5.4		X	X	✓
Tiêu chí 5.5		X	X	
Tiêu chí 5.6		X	X	

Kết quả: Đạt Mức 2

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	**Kết quả**		**Ghi chú**
	Đạt	**Không đạt**	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2		X	
Tiêu chí 3		X	
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5		X	
Tiêu chí 6		X	

Kết quả: Không đạt Mức 4

2. Kết luận: Trường đạt mức 2

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN DU

Tên trước đây (nếu có): THCS Nguyễn Du

Cơ quan chủ quản: Phòng GD&ĐT Huyện Đắk Song

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	ĐẮK NÔNG	Họ và tên hiệu trưởng	Trần Xuân Huyên
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Huyện Đắk Song	Điện thoại	0985950516
Xã / phường/thị trấn	Xã Thuận Hạnh	Fax	
Đạt CQG		Website	http://c2nguyendu.pgddaksong.edu.vn/
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2003	Số điểm trường	01
Công lập	√	Loại hình khác	
Tư thục		Thuộc vùng khó khăn	
Trường chuyên biệt		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	
Trường liên kết với nước ngoài			

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
Khối lớp 6	5	5	5	5	6
Khối lớp 7	5	5	5	5	5

Khối lớp 8	5	5	5	5	5
Khối lớp 9	4	5	5	5	5
Cộng	19	20	20	20	21

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	16	16	16	16	16	
1	Phòng học	16	16	16	16	16	
a	Phòng kiên cố	16	16	16	16	16	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	2	2	2	2	2	
a	Phòng kiên cố	2	2	2	2	2	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	

c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
3	Khối phục vụ học tập	2	2	2	2	2	
a	Phòng kiên cố	0	0	0	0	0	
b	Phòng bán kiên cố	2	2	2	2	2	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng hành chính-quản trị	5	5	5	5	5	
1	Phòng kiên cố	5	5	5	5	5	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Thư viện	1	1	1	1	1	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	2	2	2	2	2	

	Cộng						

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG:

	Tổng số	**Nữ**	**Dân tộc**	**Trình độ đào tạo**			**Ghi chú**
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	0	0	0	1	0	
Phó hiệu trưởng	2	0	0	0	2	0	
Giáo viên	37	22	0	0	37	0	
Nhân viên	5	4	0	0	5	0	
Cộng	45	26	0	0	45	0	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	**Số liệu**	**Năm học 2019 - 2020**	**Năm học 2020 - 2021**	**Năm học 2021 - 2022**	**Năm học 2022 - 2023**	**Năm học 2023 - 2024**
1	Tổng số giáo viên	34	38	35	37	37
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	2	1.75	1.85	1.85	1.762
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0.048	0.042	0.046	0.045	0.0405
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	4	4	5	6	6

5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	5	5	0	0	0
6	Các số liệu khác (nếu có)					

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	783	826	821	865	932	
	- *Nữ*	378	394	394	406	447	
	- *Dân tộc*	19	21	25	22	31	
	- *Khối lớp 6*	225	232	197	236	273	
	- *Khối lớp 7*	187	222	230	190	239	
	- *Khối lớp 8*	191	185	217	226	195	
	- *Khối lớp 9*	180	187	177	213	225	
2	Tổng số tuyển mới	220	230	197	236	273	
3	Học 2 buổi/ngày	0	0	0	0	0	
4	Bán trú	0	0	0	0	0	
5	Nội trú	0	0	0	0	0	
6	Bình quân số học sinh/lớp	41.2	41.3	41.05	43.25	44.38	
7	Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi			93.4	93.7	94.2	
	- *Nữ*	98	98.2	98.1	98.3	98.5	
	- *Dân tộc thiểu số*	98.2	98.2	98.2	98.2	98.7	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉn	24	29	28	17	52	

	h (nếu có)						
9	Tổng số học sinh giỏi cấp quốc gia (nếu có)	0	0	3	0	3	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	75	67	76	115	137	
	- *Nữ*	25	32	42	68	72	
	- *Dân tộc thiểu số*	19	2	11	4	5	
11	Tổng số học sinh có hoàn cảnh đặc biệt	19	21	5	3	3	
	Các số liệu khác (nếu có)						

b) Kết quả giáo dục

Số liệu	**Năm học 2019 - 2020**	**Năm học 2020 – 2021**	**Năm học 2021 - 2022**	**Năm học 2022 - 2023**	**Năm học 2023 - 2024**	**Ghi chú**
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	77	92	91	72	94	
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	340	377	363	171	79	
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	13	8	8	25	36	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	757	789	777	838	836	

Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	26	37	44	25	75	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	0	0	0	0	0	

Phần II
TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

1. Tổng quan về nhà trường

Trường THCS Nguyễn Du đóng trên địa bàn thôn Thuận Lợi, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông được được thành lập từ năm 2003 (theo Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 26/05/2003 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song). Qua hơn 15 năm xây dựng và trưởng thành, được sự quan tâm của các cấp cùng với sự nỗ lực của tập thể hội đồng sư phạm, trường THCS Nguyễn Du đã hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trường có đầy đủ các cơ cấu tổ chức. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên là 46 người. Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên tương đối đồng đều về chuyên môn, nghiệp vụ. Hàng năm, trường đều có giáo viên tham gia Hội thi giáo viên giỏi cấp huyện và đạt được các thành tích nhất định. Cuối mỗi năm học đều có cán bộ, giáo viên được công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, danh hiệu lao động tiên tiến. Chất lượng giáo dục hàng năm được nâng cao. Về học sinh, hiện nay toàn trường có 21 lớp với tổng số 913 học sinh, học sinh dân tộc chiếm tỉ lệ 2,5%. Cơ sở vật chất: nhà trường có diện tích 17.115m^2 với 18 phòng học kiên cố, và 02 phòng học bán kiên cố, có các phòng chức năng, sân chơi, bãi tập, có thiết bị, đồ dùng phục vụ cho việc giảng dạy và học tập. Về tài chính, trường hưởng lương từ ngân sách nhà nước, cùng với chủ trương xã hội hóa giáo dục, trường cơ bản có đủ nguồn tài chính đảm bảo cho hoạt động dạy và học.

Thuận lợi: Trường luôn nhận được sự quan tâm của Đảng uỷ, Chính quyền địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh, các ban ngành đoàn thể, có được sự quan tâm, giúp đỡ hướng dẫn cụ thể của Phòng giáo dục và đào tạo huyện Đắk Song. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhiệt tình, có trách nhiệm, yêu nghề, yêu trường, gắn bó với trường; năng lực chuyên môn và năng lực công tác của hầu hết cán bộ giáo viên nhân viên đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục. Nhiều người có trình độ chuyên môn giỏi, có kinh nghiệm giảng dạy và tổ chức các hoạt động giáo dục, tạo được uy tín trong học sinh và phụ huynh. Cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực và kinh nghiệm công tác, đoàn kết được đội ngũ; có khả năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch phù hợp với thực tiễn nhà trường.

Khó khăn: Cơ sở vật chất vẫn còn là gánh nặng cho nhà trường và địa phương như thiếu phòng bộ môn, trang thiết bị bên trong đặc biệt là dụng cụ thí nghiệm còn thiếu và nhiều loại đã cũ. Đội ngũ cán bộ giáo viên nhân viên năng lực chuyên môn chưa đồng đều, một số ít giáo viên còn hạn chế trong công tác quản lý học sinh theo hướng đổi mới. Là một đơn vị vùng biên giới gặp nhiều khó khăn về đời sống kinh tế xã hội, phần lớn phụ huynh cuộc sống phụ thuộc vào nông nghiệp thu nhập thấp, bấp bênh do sự biến động của giá cả thị trường các mặt hàng nông nghiệp. Một bộ phận học sinh ý thức học tập và rèn luyện chưa tốt, cha mẹ thiếu quan tâm.

2. Mục đích tự đánh giá

Nhà trường xác định, trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giáo dục giữ một vị trí quan trọng trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần vào việc xây dựng một nền kinh tế tri thức. Để đáp ứng với xu thế hội nhập của ngành giáo dục và sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, chính quyền địa phương, sự tin yêu của

nhân dân. Chính vì vậy, trong năm học 2023 – 2024 và những năm học tiếp theo, cùng với việc đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá, bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ giáo viên, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ dạy và học, nhà trường đặc biệt quan tâm đến công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Nhà trường tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành, nhằm xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn của nhà trường, thông báo công khai với các cơ quan quản lý giáo dục về thực trạng chất lượng giáo dục của đơn vị.

3. Quá trình tự đánh giá

Để thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục đạt hiệu quả, nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục gồm 35 thành viên với đầy đủ các thành phần: Cấp uỷ chi bộ, Ban giám hiệu, tổ trưởng tổ chuyên môn, trưởng các tổ chức, đoàn thể trong trường. Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng thành viên theo chức năng, năng lực của mỗi thành viên. Đồng thời, thành lập các nhóm công tác và nhóm thư kí, mỗi nhóm công tác do một thành viên Hội đồng tự đánh giá làm nhóm trưởng. Tất cả các bước trên đều được thực hiện đúng Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Cụ thể: Tập huấn công tác tự đánh giá tại nhà trường. Họp lãnh đạo nhà trường để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên Hội đồng tự đánh giá. Từ ngày 25/8 đến 01/9/2023: Kiện toàn Hội đồng Tự đánh giá; thông qua Kế hoạch Tự đánh giá, phổ biến tài liệu, tập huấn nghiệp vụ. Từ ngày 10/8/2023 đến 20/09/2023: Biên soạn đề cương Báo cáo Tự đánh giá. Thu thập, tuyển chọn thông tin, minh chứng; Mã hóa thông tin; Các nhóm công tác hoàn thành Phiếu đánh giá tiêu chí. Từ ngày 20/9/2023 đến 31/5/2024: Hội đồng tự đánh giá thảo luận và xem xét các vấn đề liên quan đến thông tin và minh chứng; xác định thông tin, minh chứng cần bổ sung; Các nhóm nộp lại các phiếu đánh giá tiêu chí; Xử lý thông tin bổ sung; Thống nhất đề cương Báo cáo tự đánh giá. Từ ngày 20/5/2024 đến ngày 31/5/2024: Biên soạn báo cáo, Kiểm tra thông tin minh chứng; Phổ biến nội dung báo cáo tự đánh giá để lấy ý kiến toàn thể các thành viên trong trường, hoàn chỉnh báo cáo. Từ ngày 20/5 đến 31/5/2024: Thống nhất nội dung báo cáo và công bố rộng rãi và hoàn tất hồ sơ nộp cơ quan cấp trên. Sau một thời gian làm việc nghiêm túc, với sự cố gắng, nỗ lực của cả tập thể, trường THCS Nguyễn Du đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

2. Mục đích TĐG

Mục đích chính của kiểm định chất lượng giáo dục là nhằm đảm bảo đạt được những chuẩn mực nhất định trong đào tạo và không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của người sử dụng nguồn nhân lực và đảm bảo quyền lợi cho người học, kiểm định chất lượng giáo dục còn nhằm mục đích giải trình với xã hội, với các cơ quan quyền lực hay với các cơ quan, tổ chức tài trợ, cấp kinh phí.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường THCS Nguyễn Du hiện nay có đủ cơ cấu tổ chức phù hợp với quy định của Điều lệ trường trung học. Có đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên đủ số lượng theo cơ cấu về loại hình, đạt tiêu chuẩn về phẩm chất và trình độ đào tạo, bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục phổ thông.

Nhà trường có Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng kỉ luật, các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng, Chi bộ Đảng, Công đoàn cơ sở, Liên Đội thiếu niên tiền Phong Hồ Chí Minh, Ban đại diện cha mẹ học sinh, Chi hội Khuyến học...

Các tổ chức, hội đồng hoạt động đúng theo quy định của Điều lệ trường trung học và các quy định hiện hành. Nhà trường thực hiện đầy đủ các hoạt động quản lý, xây dựng chiến lược phát triển nhà trường, xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra đánh giá theo đúng quy chế góp phần quan trọng trong thành tích chung của nhà trường.

Công tác khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh được nhà trường thực hiện nghiêm túc, công bằng, khách quan đúng theo các quy định hiện hành.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường THCS Nguyễn Du đã xây dựng được chiến lược phát triển giáo dục, kế hoạch hoạt động cụ thể cho từng học kì, từng năm học phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục và phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa

phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-01] [H1-1.1-02] [H1-1.1-03] [H1-1.1-04]

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, kế hoạch năm học đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt [H1-1.1-01]

Trường THCS Nguyễn Du đã xây dựng được chiến lược phát triển giáo dục, kế hoạch hoạt động cụ thể cho từng học kì, từng năm học phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục và phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-01] [H1-1.1-02] [H1-1.1-03] [H1-1.1-04]

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, kế hoạch năm học đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt [H1-1.1-01]

Trong những năm qua, nhà trường đã xây dựng được các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. [H1-1.1-01] [H1-1.1-05] [H1-1.1-02]

Nhà trường đã tiến hành rà soát, bổ sung và điều chỉnh một số nội dung chưa phù hợp trong chiến lược phát triển nhà trường nhưng chưa được thể hiện bằng các văn bản cụ thể.

Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường trong từng giai đoạn đã được công bố công khai, đưa vào nghị quyết hoạt động của nhà trường và được niêm yết tại phòng hội đồng.

Mức 2:

Trong những năm qua, nhà trường đã xây dựng được các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. [H1-1.1-01] [H1-1.1-05] [H1-1.1-02]

Mức 3:

Nhà trường đã tiến hành rà soát, bổ sung và điều chỉnh một số nội dung chưa phù hợp trong chiến lược phát triển nhà trường nhưng chưa được thể hiện bằng các văn bản cụ thể.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng được phương hướng chiến lược phát triển phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại luật giáo dục. Các phương hướng chiến lược của nhà trường đã được phê duyệt, đưa vào nghị quyết hoạt động và niêm yết công khai trong nhà trường. Các kế hoạch hoạt động trong từng học kì và trong năm học đã được sơ kết, tổng kết đánh giá đúng theo quy định.

3. Điểm yếu

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Định kỳ, nhà trường tiếp tục rà soát, bổ sung về phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế ở địa phương và đảm bảo mục tiêu giáo dục được thể hiện bằng văn bản cụ thể.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

a) Được thành lập theo quy định;

b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;

c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hội đồng trường THCS Nguyễn Du được thành lập theo quyết định số 129/QĐ-PGDĐT, ngày 12/08/2017 của Uỷ ban nhân dân huyện Đắk Song .[H1-1.2-01]

Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, kỉ luật và Tổ tư vấn thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định.[H1-1.2-01] [H1-1.2-02] [H1-1.2-03]

Hoạt động của Hội đồng trường và các Hội đồng khác thường xuyên được rà soát, đánh giá.[H1-1.2-04] [H1-1.2-05] [H1-1.2-06]

Mức 2:

Hoạt động của Hội đồng trường và các Hội đồng khác có hiệu quả, góp phần thúc đẩy phát triển nhà trường ngày một đi lên.[H1-1.2-06]

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường và các Hội đồng khác được thành lập đúng theo qui định, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn.

3. Điểm yếu

Đa số các thành viên trong tổ tư vấn học đường là những giáo viên kiêm nhiệm, chưa được tập huấn, bồi dưỡng các kĩ năng nghiệp vụ về tư vấn học sinh nên hoạt động còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Ngày càng hoàn thiện và nâng cao chất lượng hoạt động của các Hội đồng trong nhà trường. Kiến nghị ngành giáo dục mở các lớp tập huấn về kĩ năng nghiệp vụ cho Tổ tư vấn học đường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong nhà trường có các tổ chức: Chi bộ Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Đội Thiếu niên Tiền phong cơ cấu và tổ chức theo quy định.[H1-1.3-01] ,[H1-1.3-02]

Chi bộ Đảng, Công đoàn, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn TNCSHCM hoạt động theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức từ đó đã góp phần giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục của đơn vị.

Các hoạt động của các tổ chức hằng năm luôn được cấp trên giám sát, đánh giá, nhà trường thường xuyên rà soát, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện các hoạt động của Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn TNCSHCM [H1-1.3-03] [H1-1.3-04] [H1-1.3-05]

Mức 2:

Chi bộ nhà trường được cơ cấu và tổ chức đúng quy định. Hoạt động của chi bộ nhà trường luôn thực hiện đúng Điều lệ Đảng, trong 05 năm liền Chi bộ luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ và đạt danh hiệu chi bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu[H1-1.3-01] [H1-1.3-06] [H1-1.3-07]

Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường đã có nhiều đóng góp cho hoạt động phát triển sự nghiệp giáo dục của nhà trường. [H1-1.3-07] [H1-1.3-05]

Mức 3:

Trong 05 năm liền Chi bộ luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ và đạt danh hiệu chi bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu.[H1-1.3-07]

Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường đã có nhiều đóng góp hiệu quả cho hoạt động của nhà trường và cộng đồng như tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, tương thân tương ái, tham gia tích cực các cuộc thi do các cấp phát động.[H1-1.3-04] [H1-1.3-03] [H1-1.3-07]

2. Điểm mạnh

Tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Đội Thiếu niên hoạt động đúng quy định Điều lệ của từng tổ chức đó. Lãnh đạo các tổ chức đều là người có trách nhiệm cao và có tâm huyết với nghề. Hàng tháng các tổ chức đều đánh giá các hoạt động và đề ra phương hướng thực hiện cho tháng tiếp theo.

3. Điểm yếu

Tổng phụ trách đội thực hiện công việc kiêm nhiệm, chưa được đào tạo đúng chuyên môn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tổng phụ trách đội cần được tập huấn thường xuyên để nâng cao năng lực nghiệp vụ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có hiệu trưởng và số lượng hiệu phó đúng theo điều lệ trường học, có quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng, hiệu phó theo quy định. [H1-1.04-01]

Hằng năm nhà trường đã thành lập các tổ chuyên môn và tổ văn phòng dựa vào tình hình thực tế đúng quy định theo điều lệ trường học [H1-1.4-02]

Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng đều có kế hoạch hoạt động hằng năm, học kỳ và hàng tháng và sinh hoạt đầy đủ theo điều lệ trường học. [H1-1.4-03] [H1-1.4-04] [H1-1.4-05]

Mức 2:

Hằng năm, mỗi tổ chuyên môn đều đã xây dựng và thực hiện 2 chuyên đề. [H1-1.4-04]

Hằng năm, chuyên môn nhà trường đều tiến hành kiểm tra, giám sát hoạt động của các tổ chuyên môn và tổ văn phòng theo định kỳ. [H1-1.4-06]

Mức 3:

Hoạt động của các tổ chuyên môn đã góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường như: Tổ chức dự giờ, trao đổi kinh nghiệm; sinh hoạt chuyên đề; kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém…[H1-1.4-03] [H1-1.2-05] [H1-1.4-07] [H1-1.4-05] [H1-1.4-04] [H1-1.4-08]

Hằng năm, mỗi tổ chuyên môn đã xây dựng được 2 chuyên đề, nhưng nội dụng các chuyên đề chưa phong phú và đa dạng.

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đảm bảo cơ cấu, đạt chuẩn theo yêu cầu. Cơ cấu các tổ chức trong nhà trường đảm bảo theo điều lệ trường học và có đầy đủ các kế hoạch hoạt động của các tổ chuyên môn và tổ văn phòng trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Nội dung một số chuyên đề của tổ chuyên môn chưa phong phú và đa dạng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường thường xuyên đôn đốc các tổ chuyên môn xây dựng các chuyên đề phong phú và đa dạng hơn về nội dung.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

a) Có đủ các lớp của cấp học;

b) Học sinh đ ược tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp.
Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã có đủ các lớp của cấp học gồm khối 6-9. [H1-1.5-01]

Học sinh đã được tổ chức theo lớp học. Mỗi lớp có một lớp trưởng, một hoặc hai lớp phó do tập thể lớp bầu ra vào đầu mỗi năm học. Lớp học đã được tổ chức theo qui định. Mỗi lớp được chia thành nhiều tổ học sinh. Mỗi tổ không quá 12 học sinh, có tổ trưởng, một tổ phó do các thành viên của tổ bầu ra vào đầu mỗi năm học.[H1-1.5-02] [H1-1.5-03]

Lớp học được hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. [H1-1.5-03]

Mức 2:

Tại thời điểm đánh giá trường có 21 lớp. Sĩ số học sinh của một số lớp quá 45 học sinh. [H1-1.5-01] [H1-1.5-04]

Mức 3:

Tại thời điểm đánh giá trường có 21 lớp. Sĩ số học sinh của một số lớp quá 45 học sinh. [H1-1.5-04] [H1-1.5-01]

2. Điểm mạnh

Trường có đầy đủ các lớp của cấp học, học sinh được tổ chức theo lớp đúng qui định.

3. Điểm yếu

Số lượng học sinh ở một số lớp đông (trên 45 học sinh), diện tích phòng học lại hẹp so với quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tham mưu cấp trên xây thêm phòng học để đảm bảo số lượng học sinh không quá 45 em trên một lớp.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và trung hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hồ sơ, văn bản lưu trữ đầy đủ, khoa học theo quy định của luật lưu trữ. [H1-1.5-01] [H1-1.6-04] [H1-1.6-01]

Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định. Công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định. Hằng năm, nhà trường đều đưa ra quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện

thực tế và các quy định hiện hành. [H1-1.6-02] [H1-1.6-03] [H1-1.6-04] [H1-1.5-01] [H1-1.6-01]

Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính và tài sản đảm bảo đúng mục đích, đạt hiệu quả. [H1-1.6-04] [H1-1.6-01]

Mức 2:

Nhà trường đã tích cực ứng dụng CNTT vào trong công tác quản lý tài chính như phần mềm kế toán, phần mền quản lý nhân sự. [H1-1.6-05]

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [H1-1.6-03]

Mức 3:

Nhà trường chưa xây dựng được kế hoạch dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

2. Điểm mạnh

Trong công tác quản lý hành chính nhà trường có đầy đủ hồ sơ phục vụ cho hoạt động giáo dục theo quy định. Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính và tài sản đảm bảo đúng mục đích, đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa xây dựng được kế hoạch dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường cần xây dựng được kế hoạch dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương. (kêu gọi các nhà hảo tâm, các doanh nghiệp… trên địa bàn)

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. [H1-1.7-01]

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhà trường đã phân công, sử dụng CBGVNV hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường. [H1-1.7-02]

Cán bộ, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy đình tại Điều 32 của điều lệ trường trung học và các văn bản hiện hành. [H1-1.7-03], [H1-1.7-04]

Mức 2:

Nhà trường có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ, giáo viên và nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục. [H1-1.7-01] [H1-1.7-05] [H1-1.7-03]

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn quan tâm đến việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho CBGVNV, phân công sử dụng đội ngũ hợp lý, hiệu quả, thực hiện đầy đủ các quyền theo quy định đối với CBGVNV.

3. Điểm yếu

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Kế hoạch giáo dục hằng năm của nhà trường phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. ***[H1-1.8-01]***

Nhà trường đã thực hiện đầy đủ các kế hoạch đề ra .***[H1-1.8-02] [H1-1.4-08] [H1-1.1-02]***

Hằng tháng, nhà trường có tổ chức rà soát, đánh giác, điều chỉnh kịp thời nội dung trong kế hoạch đã đề ra. ***[H1-1.8-01]***

Mức 2:

Nhà trường có các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. [H1-1.8-01]

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện việc quản lý các hoạt động giáo dục theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học. Công tác quản lý của trường được hỗ trợ thực hiện bằng các phần

mềm tin học đảm bảo cho việc lưu trữ, truy cập thông tin nhanh chóng và thuận lợi. (trang web http://c2nguyendu.pgddaksong.edu.vn/ http://csdl.moet.gov.vn/; phần mềm online https://vnedu.vn; trang http://truonghocketnoi.edu.vn); https://kiemdinhdaknong.xbot.com.vn/home; https://taphuan.csdl.edu.vn/

3. Điểm yếu

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường. [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02]

Trong 5 năm tính đến thời điểm đánh giá trường không có các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến nhà trường. [H1-1.9-03]

Hằng năm, nhà trường đều xây quy chế dân chủ cơ sở và công khai thảo luận. [H1-1.9-01] [H1-1.1-05] [H1-1.9-02]

Mức 2:

Nhà trường có các biện pháp, giải pháp giám sát việc thực quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả. [H1-1.9-01] [H1-1.9-03] [H1-1.9-04]

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. Mọi thành viên trong đơn vị đều được thông qua, thảo luận và đóng góp xây xựng. Quy chế dân chủ được công khai rộng rãi trên trang web của nhà trường.

3. Điểm yếu

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn phòng, chống cháy, nổ; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-01] [H1-1.10-02] [H1-1.10-03] [H1-1.10-04] [H1-1.10-05] [H1-1.10-06]

Nhà trường có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của học sinh và người dân.[H1-1.10-04]

Nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới. [H1-1.10-04]

Mức 2:

Trong những năm qua, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường theo các văn bản chỉ đạo từ các cấp, các ngành liên quan. [H1-1.3-03] [H1-1.3-04] [H1-1.10-05] [H1-1.10-07]

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự. Khi phát hiện có hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thường xuyên tuyên truyền cho giáo viên và học sinh có ý thức phòng tránh và tìm hiểu để ngăn ngừa các tai nạn thương tích, cháy nổ, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, phòng tránh các tệ nạn xã hội có thể xảy ra trong nhà trường để hạn chế tối đa các hậu quả.

3. Điểm yếu

Hệ thống tường rào chưa kiên cố nên công tác đảm bảo an ninh, trật tự trường học còn gặp nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tham mưu cấp trên xây dựng hệ thống tường rào kiên cố, để công tác bảo vệ an ninh trường học được thuận lợi hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Thế mạnh của trường THCS Nguyễn Du là có cơ cấu tổ chức bộ máy chuẩn theo quy định, từ Hội đồng trường, đến các tổ chức đoàn thể, tổ chuyên môn, tổ văn phòng hoạt động phối hợp nhịp nhàng, có hiệu quả. Số lớp, số học sinh được duy trì ổn định trong nhiều năm. Trường luôn luôn được đảm bảo tốt về an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, các tệ nạn xã hội trong trường. Trường có khuôn viên rộng, thoáng mát, riêng biệt đảm bảo tính sư phạm cao. Công tác quản lý các hoạt động giáo dục, quản lý nhân sự, quản lý tài chính, tài sản của nhà trường nghiêm túc, đúng luật. Công tác thi đua khen thưởng kịp thời, nên chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng được khẳng định. Chiến lược phát triển thể hiện được thực trạng giáo dục của nhà trường, các chỉ tiêu phấn đấu và các giải pháp thực hiện mang tính khả thi, đột phá, phù hợp với mục tiêu giáo dục, phù hợp với các nguồn lực của nhà trường, với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, điều đó tạo nên sức mạnh to lớn, tạo đà cho sự đi lên của nhà trường.

Bên cạnh những ưu điểm đã đạt được nhà trường cũng không tránh khỏi những thiếu sót cần khắc phục như: Một số hoạt động có tổ chức thực hiện nhưng một số hồ sơ minh chứng chưa thể hiện rõ ràng. Một vài chỉ báo tuy được đánh giá đạt yêu cầu song tính ổn định chưa cao.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
    - Không đạt: 0/10 tiêu chí chiếm 0 %
    - Đạt Mức 1: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100 %
    - Đạt Mức 2: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100 %
    - Đạt Mức 3: Đạt Mức 3: 6/10 (1/5) tiêu chí chiếm 60 %

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Nhà trường luôn xác định đây là tiêu chuẩn quan trọng, có tính chất quyết định kết quả hoạt động của mỗi cán bộ, giáo viên và nhân viên, góp phần chủ yếu đến chất lượng hoạt động giáo dục của nhà trường. CB quản lý, GV và NV nhà trường có đủ mọi điều kiện và năng lực để triển khai tốt các hoạt động giáo dục. Các đồng chí CBQL không những có

phẩm chất đạo đức tốt mà còn có trình độ chuyên môn đạt trên chuẩn, có năng lực, tận tụy, nhiệt huyết với công việc. Không những thế BGH còn có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý và giảng dạy, vì vậy có thể chỉ đạo và tận tình giúp đỡ cho GV khi gặp khó khăn trong công tác. Số lượng GVNV của trường đủ về cơ cấu, đảm bảo yêu cầu theo quy định và đều được đào tạo chuyên môn phù hợp với công tác được giao. Về chất lượng đội ngũ, có đủ giáo viên ở tất cả các môn học, 100% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn đào tạo theo quy định của Điều lệ trường trung học. Giáo viên tích cực, nhiệt tình, có ý thức học hỏi, rèn luyện và phấn đấu trong chuyên môn, nhiều năm liền nhà trường có giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp huyện, cấp tỉnh.

Nội bộ tập thể CBGVNV trong trường đoàn kết và có tinh thần tương thân tương ái, giúp đỡ, hỗ trợ, chia sẻ lẫn nhau những khó khăn trong công tác cũng như trong cuộc sống, điều đó thúc đẩy hoạt động giáo dục của nhà trường ngày càng vững mạnh.

Học sinh của trường đạt quy định về độ tuổi, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quy định về các hành vi không được làm, được đảm bảo các quyền của người học theo quy định.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường đạt chuẩn các yêu cầu theo quy định tại Điều lệ trường trung học [H1-1.4-01].

Hằng năm, Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn trở lên theo Quy định tại Thông tư 29/2009/TT-BGDĐT (hiện nay là thông tư 14/2018/TT-BGDĐT) [H2-2.1-01].

CBQL nhà trường đã được tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, quản lý giáo dục theo kế hoạch của cấp trên [H2-2.1-02].

Mức 2:

Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ đánh giá giáo viên và nhân viên hằng năm. Vào cuối mỗi năm học hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được phòng giáo dục đánh giá từ mức khá trở lên [H1-1.4-01].

Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm cao.

Mức 3:

Từ năm 2014 đến năm 2019 hiệu trưởng có 01 năm học hoàn thành nhiệm vụ và 04 năm học hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trong 05 năm học liên tiếp phó hiệu trưởng được đánh giá ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ [H2-2.1-01].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường đều đạt trình độ trên chuẩn, đã hoàn thành lớp quản lí giáo dục, có trình độ chuyên môn vững vàng và năng lực quản lí, có tinh thần trách nhiệm trong công việc. Thực hiện tốt công tác chỉ đạo hoạt động giáo dục tại đơn vị, được tập thể sư phạm nhà trường tín nhiệm và Phòng Giáo dục - Đào tạo đánh giá cao.

3. Điểm yếu

Công tác chỉ đạo bám sát các hoạt động cải tiến khoa học kĩ thuật trong học sinh còn ít. Công tác nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, viết sáng kiến kinh nghiệm trong CBGVNV hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục phát huy tốt các thế mạnh trong công tác quản lý của hiệu trưởng và phó hiệu trưởng.

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cần chỉ đạo bám sát và triển khai hiệu quả các hoạt động cải tiến khoa học kĩ thuật trong học sinh. Tăng cường đôn đốc, tạo điều kiện cho đội ngũ CBGVNV trong việc nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, viết sáng kiến kinh nghiệm đạt hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ số lượng, cơ cấu giáo viên theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 [H2-2.2-01].

100% giáo viên đạt trình độ đào tạo chuẩn theo quy định, trong đó có 80% giáo viên đạt trình độ trên chuẩn.

Năm học 2020-2021, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên đạt từ mức khá trở lên[H2-2.2-02].

Mức 2:

Hằng năm, tỉ lệ giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình. Cụ thể năm học 2013 – 2014 giáo viên đạt trình độ trên chuẩn đạt tỉ lệ 50%, đến năm học 2020 – 2021 giáo viên đạt trình độ trên chuẩn đạt tỉ lệ 80%. Ngoài ra hơn 90% giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên, tin học, ngoại ngữ.

Hằng năm nhà trường tổ chức đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp. Kết quả đánh giá xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp trong 5 năm qua có 100% giáo viên đạt mức Khá trở lên, mức Tốt đạt 80% trở lên [H2-2.2-02]. Năm 2019 -2020 có 60% giáo viên đạt danh hiệu Lao động tiên tiến.

Trong các năm học nhà trường đã xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm theo môn học và tích hợp liên môn, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hướng nghiệp [H2-2.2-03], có tổ chức thi 01 lớp Tiếng Anh thí điểm theo đề án [H2-2.2-04], có giáo viên tham gia hướng dẫn nghiên cứu khoa học và sáng tạo dành cho thanh thiếu niên nhi đồng: Sản phẩm máy lọc không khí; Phần mềm Trò chơi học tập (Nhóm Vật lý Sinh Tin), giáo viên nhà trường chấp hành nghiêm túc các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước và các quy chế, quy định của ngành, không có giáo viên bị kỉ luật.

Mức 3:

Hằng năm nhà trường tổ chức đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp. Kết quả đánh giá xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp trong 5 năm qua có 100% giáo viên đạt mức khá trở lên, mức tốt đạt 80% trở lên [H2-2.2-02].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên nhà trường có nhiều báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học: năm học 2013 - 2014 có 02 SKKN đạt giải B cấp huyện, 02 đề tài đạt giải C cấp tỉnh; năm học 2015 - 2016 có 03 đề tài SKKN đạt giải C cấp huyện; năm học 2016 - 2017 có 10 SKKN đạt giải C, 01 SKKN đạt giải B cấp huyện; năm học 2017 - 2018 có 03 SKKN được công nhận trong kì thi giáo viên giỏi cấp huyện.

2. Điểm mạnh

Giáo viên đủ về số lượng, cơ cấu đúng theo các môn học, 100% được xếp loại đạt chuẩn nghề nghiệp đạt từ mức khá trở lên. Giáo viên trẻ nhiệt tình có tinh thần trách nhiệm trong công việc, tích cực học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Có 2 sáng kiến đạt giải C cấp huyện: ĐC Huyên, Định, Thiêm.

Nhà trường quan tâm công tác hoạt động giáo dục toàn diện, đặc biệt là giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, năng lực thực hành ứng dụng cho học sinh. Giáo viên đã hướng dẫn cho học sinh tham gia 2 sản phẩm tại cuộc thi sáng tạo KHKT cho thanh thiếu niên; Tổ chức cho học sinh tham quan trải nghiệm tại Đắk Lắk.

3. Điểm yếu

Đa số giáo viên chưa có sự đầu tư nghiên cứu viết SKKN, khoa học sư phạm ứng dụng nên kết quả đạt được ở một số năm bị gián đoạn. Hiện tại còn 10 giáo viên có trình độ đại học nhưng vẫn hưởng lương bậc cao đẳng nên ảnh hưởng đến thu nhập cũng như tâm lý của giáo viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tạo điều kiện phát huy tốt những năng lực, sở trường của giáo viên nhằm đem lại hiệu quả cao hơn nữa trong công tác dạy và học.

Nhà trường phối hợp Ban chấp hành Công đoàn khuyến khích, động viên giáo viên đăng ký nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, viết SKKN.

Tham mưu các cấp lãnh đạo tạo điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phù hợp với trình độ và bằng cấp của giáo viên theo nguyện vọng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường bố trí sắp xếp nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm đảm bảo thực hiện tốt các vị trí công việc theo quy định tại Thông tư liên tịch số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 [H1-1.7-02].

Nhân viên nhà trường được phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ [H1-1.7-02], năng lực thực tế của mỗi người, có trình độ đào tạo đạt chuẩn theo quy định [H2-2.2-01].

Hằng năm, nhân viên nhà trường đều được đánh giá mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên, nhiều nhân viên đạt danh hiệu lao động tiên tiến .

Mức 2:

Nhà trường có đủ số lượng và cơ cấu nhân viên theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong nhà trường [H1-1.7-02].

Trong 05 năm liên liếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật [H2-2.3-01].

Mức 3:

Nhân viên kế toán, văn thư, y tế có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên theo chuyên môn được giao [H2-2.2-01].

Hằng năm, một số nhân viên như kế toán, văn thư, thư viện được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm. Còn thủ quỹ, bảo vệ chưa được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ được giao.

2. Điểm mạnh

Nhân viên nhà trường được phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ. Đội ngũ nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, ý thức tổ chức kỷ luật cao, đoàn kết giúp đỡ nhau trong công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

Bảo vệ, thủ quỹ chưa được tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ. Nhà trường chỉ được bố trí 01 nhân viên bảo vệ nên việc phân công nhiệm vụ còn khó khăn.

Có 2 giáo viên vi phạm chính sách dân số.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục động viên đội ngũ nhân viên thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Đề nghị cấp trên tổ chức tập huấn bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho bảo vệ, thủ quỹ, đồng thời giao thêm 01 chỉ tiêu bảo vệ để đáp ứng tốt nhu cầu khối lượng công việc được giao.

Tham mưu các cấp hồ sơ kỷ luật đảm bảo theo quy định đối giáo viên phạm chính sách dân số.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;

b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;

c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Năm học 2020 - 2021 nhà trường có 826 học sinh, trong đó 100% HS đảm bảo về tuổi quy định theo Điều lệ trường trung học [H2-2.4-01], [H2-2.4-02].

Trên cơ sở nhà trường phổ biến Điều lệ và nội quy HS, trong quá trình học tập rèn luyện theo chương trình kế hoạch của nhà trường, đa số HS của nhà trường thực hiện tốt các nhiệm vụ đã quy định [H1-1.1-05], [H1-1.5-04].

Nhà trường đảm bảo các quyền cho HS theo quy định như: quyền trẻ em, tham gia các hoạt động nhà trường tổ chức. Đối với các em HS thuộc hộ chính sách được thụ hưởng các quyền theo quy định của pháp luật và sự quan tâm hỗ trợ của nhà trường [H2-2.4-03].

Mức 2:

HS vi phạm được phát hiện kịp thời và có các biện pháp giáo dục phù hợp với từng đối tượng học sinh, vì thế mà đa số học sinh vi phạm có chuyển biến tích cực [H2-2.4-04].

Mức 3:

Hằng năm nhà trường tổ chức cho học sinh tham gia các kì thi trong và ngoài nhà trường, như: thi HSG các cấp, các cuộc thi trên mạng (IOE, ViOE), tham gia Hội khỏe Phù Đổng và mang về nhiều thành tích cao cho nhà trường [H2-2.4-05].

2. Điểm mạnh

HS tham gia học tập đảm bảo đúng độ tuổi và đa số thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Tất cả HS được đảm bảo các quyền theo quy định.

HS vi phạm luôn được phát hiện kịp thời và áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

HS có thành tích có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Dù nhà trường đã triển khai học nội quy, quy chế đầu năm nhưng một số học sinh vẫn còn vi phạm như: đánh nhau, bỏ học, cúp tiết...

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục tăng cường thực hiện các giải pháp và động viên kịp thời, khéo léo để động viên HS tham gia học tập, rèn luyện

Tiếp tục phối hợp với các tổ chức xã hội, chính quyền địa phương ngăn chặn việc HS bỏ học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Trong những năm học qua, dù còn nhiều khó khăn, Hội đồng sư phạm trường vẫn cố gắng nỗ lực để hoàn thành tốt nhiệm vụ, đoàn kết, thẳng thắn trong đấu tranh xây dựng để trường ngày càng vững chắc đi lên.

BGH có năng lực quản lý, đạt chuẩn về trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định, có trách nhiệm biết tận dụng trí tuệ tập thể xây dựng tốt phong trào thi đua trong nhà trường.

Số lượng học sinh của trường tăng hằng năm, giáo viên ít biến động, đảm bảo đủ để giảng dạy các môn bắt buộc, làm công tác chủ nhiệm, hoạt động ngoài giờ lên lớp, giáo viên hầu hết đạt chuẩn và trên chuẩn về chuyên môn đào tạo. Biên chế giáo viên của trường phù hợp với quy mô học sinh, lớp và đặc điểm tình hình giáo dục của địa phương.

Trường đảm bảo các quyền của giáo viên theo quy định của Điều lệ trường trung học và của pháp luật.

Đa số học sinh ngoan, chăm học, hàng năm có học sinh đạt học sinh giỏi cấp huyện, tỉnh. Cha mẹ học sinh quan tâm, đầu tư cho việc học hành của con em.

Bên cạnh những ưu điểm đó nhà trường cũng không tránh khỏi những khó khăn cần khắc phục như: tình trạng một số ít học sinh còn ham chơi chưa thực sự có ý thức thực hiện nhiệm vụ học tập và rèn luyện trong nhà trường. Một vài chỉ số tuy được đánh giá đạt yêu cầu song cũng còn những bất cập vì tính ổn định chưa cao. Một số ít phụ huynh chưa quan tâm đến việc học của con em mình, còn giao khoán trách nhiệm cho nhà trường.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
    - Không đạt: 0/4 tiêu chí chiếm 0 %
    - Đạt Mức 1: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %
    - Đạt Mức 2: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %
    - Đạt Mức 3: 1/4 (1/4) tiêu chí chiếm 25 %

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trường THCS Nguyễn Du có CSVC đủ đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh thuộc địa bàn xã Thuận Hạnh và một số địa phương lân cận. Khuôn viên trường được bố trí khoa học, đảm bảo xanh - sạch - đẹp. Các phòng học, phòng chức năng, phòng hành chính có đủ các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy và học. Thư viện của nhà trường đáp ứng được

nhu cầu nghiên cứu, học tập của người dạy và người học. Các thiết bị, đồ dùng được quản lý và sử dụng thường xuyên, có hiệu quả. Khu sân chơi rộng, có nhà đa chức năng, có cây xanh bóng mát. Trong khuôn viên trường, khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự. Khu vệ sinh được bố trí hợp lý theo từng khu làm việc, học tập của GV và HS.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m2/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m2/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có khuôn viên riêng biệt, có cổng trường, biển tên trường khang trang và có hàng rào kẽm gai bao quanh.[H3-3.1-02]

Trường có khu sân chơi, bãi tập đủ điều kiện thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.[H3-3.1-03]

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục: sân trường có trồng cây xanh thoáng mát [H3-3.1-01], sân bóng chuyền, đường chạy cho học sinh, có không gian để học sinh sinh hoạt ngoài trời.[H3-3.1-04] [H3-3.1-05]

Tổng diện tích mặt bằng của trường 17.115m^2, diện tích sử dụng thực tế 12.000m^2, bình quân 17,3m^2/học sinh, đảm bảo đủ chuẩn theo quy định.*[H3-3.1-07]*

Nhà trường có khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục. [H3-3.1-01]

Trường có khuôn viên riêng biệt, có cổng trường, biển tên trường khang trang và có hàng rào kẽm gai bao quanh.[H3-3.1-02]

Trường có khu sân chơi, bãi tập đủ điều kiện thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.[H3-3.1-03]

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục: sân trường có trồng cây xanh thoáng mát [H3-3.1-01], sân bóng chuyền, đường chạy cho học sinh, có không gian để học sinh sinh hoạt ngoài trời.[H3-3.1-04] [H3-3.1-05]

Mức 3:

Tổng diện tích mặt bằng của trường 17.115m^2, diện tích sử dụng thực tế 12.000m^2, bình quân 17,3m^2/học sinh, đảm bảo đủ chuẩn theo quy định.*[H3-3.1-07]*

2. Điểm mạnh

Nhà trường có diện tích rộng đảm bảo cho việc thiết kế các hạng mục phục vụ cho học sinh vui chơi và học tập. Nhà trường có khu vực sân chơi, bãi tập được bê tông hóa sạch sẽ, cây xanh thoáng mát phục vụ tốt cho các hoạt động vui chơi và học tập của học sinh, được cấp chứng nhận Xanh-Sạch-Đẹp.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có tường rào kiên cố đảm bảo cho các hoạt động trong khuôn viên nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2019-2020 và những năm tiếp theo nhà trường lên kế hoạch kêu gọi nguồn kinh phí nhà nước và nguồn tài trợ, viện trợ để hoàn thiện khu giáo dục thể chất khoảng 3000 m^2 hoàn thiện khu sân chơi, bãi tập, xây dựng khuôn viên nhà trường ngày càng xanh, sạch, đẹp để phục vụ cho học sinh cũng như các hoạt động khác của nhà trường tốt hơn.

Có kế hoạch sử dụng quỹ đất phù hợp, tham mưu các cấp có lộ trình xây dựng tường rào bao quanh.

Tiếp tục tuyên truyền, giáo dục học sinh làm tốt công tác giữ gìn vệ sinh trường lớp, xử lý dứt điểm rác thải giúp không gian luôn Xanh – Sạch – Đẹp – An toàn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2: Phòng học

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

[H3-3.2-07] Trường THCS Nguyễn Du có tổng số phòng học là 20 phòng (20 phòng/21 lớp), mỗi phòng 01 bảng từ, bàn ghế giáo viên đúng chuẩn, thoáng mát, đủ ánh sáng đảm bảo phục vụ tốt cho việc học tập. Toàn trường có 400 bộ bàn ghế 2 chỗ ngồi đúng quy cách, đều làm bằng gỗ, kích thước, kiểu dáng đảm bảo theo quy định của Bộ GDĐT, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế. Khối phòng học đảm bảo đủ cho việc học tập 02 ca/ngày. [H3-3.2-01]

Trường có 03 phòng học bộ môn đảm bảo việc học tập theo quy định [H3-3.2-02] [H3-3.3-01] [H3-3.2-05] [H3-3.2-06]

Trường có phòng hoạt động Đoàn - Đội được trang trí phong phú sử dụng hiệu quả cho các hoạt động Đoàn-Đội học sinh, thư viện có phòng đọc và kho lưu trữ các loại sách, báo, tư liệu,.. cho GV, HS tham khảo đảm bảo nhu cầu tối thiểu cho việc học tập và các hoạt động khác. [H3-3.2-03] [H3-3.2-07]

Mức 2:

Trường có phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập.[H3-3.2-01] [H3-3.2-02]

Khối phục vụ học tập nhà trường: Nhà đa năng, thư viện, phòng hoạt động Đoàn-Đội đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định. [H3-3.2-01] [H3-3.2-03] [H3-3.2-07]

Mức 3:

Phòng tin học có 32 máy tính kết nối mạng đủ yêu cầu học tập tối thiểu của học sinh, phòng Tiếng anh có 1 màn chiếu học tập theo chương trình chuẩn, phòng thí nghiệm có các dụng cụ thiết bị, bàn khu thí nghiệm đáp ứng nhu cầu cơ bản thí nghiệm của học sinh, thiết bị dạy học ở một số phòng học, phòng học bộ môn, phòng tổ chức các hoạt động giáo dục chưa đảm bảo.[H3-3.2-02] [H3-3.2-06] [H3-3.2-05]

Hiện tại nhà trường chưa có phòng học phục vụ cho đối tượng học sinh có hoàn cảnh đặc biệt.[H3-3.2-01]

2. Điểm mạnh

Phòng học của nhà trường đủ phục vụ cho học sinh học 2 ca/ngày, các thiết bị trong phòng phục vụ cho việc giảng dạy của nhà trường cơ bản đảm bảo về số lượng, quy cách, chất lượng theo quy định của Bộ Giáo Dục và Đào tạo.

3. Điểm yếu

Một số phòng học chưa đủ thiết bị để dạy học ứng dụng công nghệ thông tin: Tivi, máy chiếu,...chưa đủ phòng để học 2 buổi/ngày.

Hiện tại nhà trường chưa có phòng học phục vụ cho đối tượng học sinh có hoàn cảnh đặc biệt, chưa có phòng chờ, phòng sinh hoạt tổ chuyên môn dành cho giáo viên và tổ chuyên môn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục khai thác có hiệu quả các phòng học, thiết bị hiện có trong các phòng để góp phần nâng cao chất lượng dạy và học. Hướng dẫn cho các lớp thực hiện việc sắp xếp các thiết bị dạy học trong các tủ thiết bị theo nguyên tắc khoa học, dễ thấy, dễ tìm.

Tham mưu cấp trên xây dựng 6 phòng học 2 tầng, lắp ráp các thiết bị như ti vi tại phòng học để giáo viên thuận tiện việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác dạy học.

Phòng thí nghiệm đề xuất bổ sung thiết bị dạy học thực hành thí nghiệm cho học sinh và giáo viên sử dụng có hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Khối phòng hành chính quản trị: Phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, văn phòng, phòng y tế học đường, kho, phòng thường trực, bảo vệ đáp ứng các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường. [H3-3.3-01] [H3-3.3-02] [H3-3.3-03] [H3-3.3-01] [H3-3.3-04] [H3-3.3-05]

Khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự có rào bằng lưới bao quanh. [H3-3.3-06]

Nhà trường sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị theo định kỳ.[H3-3.5-01] [H3-3.5-02]

Mức 2:

Nhà trường có: Phòng hội đồng, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng hành chính kế toán-văn thư, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng thư viện, phòng thiết bị thường xuyên vệ sinh sạch sẽ hàng ngày bố trí phòng sử dụng hợp lý theo quy định. [H3-3.3-02] [H3-3.3-03] [H3-3.3-04] [H3-3.3-05]

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có các thiết bị máy tính có kết nối mạng, máy in và có 1 máy photo dùng chung được sắp xếp bố trí ở mỗi phòng hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.[H3-3.5-03] [H1-1.6-01]

2. Điểm mạnh

Khối phòng hành chính quản trị được thiết kế hợp lý, khang trang, sạch sẽ, linh hoạt phù hợp với các nhu cầu hoạt động quản trị nhà trường, trang thiết bị văn phòng phục vụ công tác quản lý dạy và học, đảm bảo theo quy định.

3. Điểm yếu

Khu để xe của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đang sử dụng chung, tường rào bao quanh chưa kiên cố.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường có lộ trình xây dựng nhà để xe học sinh riêng biệt, xây dựng tường rào nhà để xe kiên cố đảm bảo công tác bảo vệ tài sản.

Đề nghị bổ sung phòng chờ cho giáo viên và phòng sinh hoạt tổ chuyên môn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có khu vệ sinh riêng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh; ở mỗi khu vệ sinh đều có nhà vệ sinh nam, nữ riêng biệt; vị trí phù hợp với cảnh quan trường học, an toàn, thuận tiện, sạch sẽ.[H3-3.4-01] [H3-3.4-02]

Trường có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường.

Nhà trường sử dụng nguồn nước uống và nguồn nước sinh hoạt đảm bảo an toàn, vệ sinh cho CBGVNV và HS. [H3-3.4-03] [H3-3.4-04]

Trong khuôn viên nhà trường được bố trí nhiều thùng rác ở vị trí góc khuất, đảm bảo vệ sinh môi trường và cảnh quan chung; nhà trường xử lý thu gom, phân loại rác hàng

ngày qua thùng chứa rác, lò đốt rác đảm bảo môi trường luôn sạch, đẹp [H3-3.4-05] [H3-3.4-06].

Mức 2:

Khu vệ sinh được xây dựng ở vị trí hợp lí, khoa học, thuận tiện, đảm bảo mỹ quan và vệ sinh môi trường đúng tiêu chuẩn quy định [H3-3.4-01] [H3-3.4-02].

Hệ thống cung cấp nước sạch đáp ứng quy định tại khoản 1 và 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ GDĐT và Bộ Y tế Quy định về công tác y tế trường học: về nước sinh hoạt theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 02:2009/BYT) ban hành kèm theo Thông tư số 05/2009/TT-BYT ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt; Nước uống đóng chai theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 6 -1:2010/BYT) ban hành kèm theo Thông tư số 34/2010/TT-BYT ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai [H3-3.4-02], [H3-3.4-04]

Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ GDĐT và Bộ Y tế Quy định về công tác y tế trường học: Trường học có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường, lớp khi mưa to [H3-3.4-03].

Thu gom, xử lý rác thải bảo đảm theo quy định tại thông tư 04/2010/TT-BYT: Có hệ thống thu gom và xử lý rác thải; Có thùng đựng và phân loại rác thải của phòng y tế; có đủ các phương tiện, dụng cụ có nắp đậy để phân loại, chứa đựng rác tạm thời trong nhà trường thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng.[H3-3.4-05]. Khu tập trung rác thải được bố trí cách biệt với các khu vực khác và có lối ra vào riêng cách với khu nhà chính trên 25m và nằm ở góc khuất, cuối chiều gió, rác thải được thu gom hằng ngày và xử lý bằng cách đốt hợp vệ sinh, xử lý tập trung [H3-3.4-05], [H3-3.4-06].

2. Điểm mạnh

Trường có đầy đủ khu nhà vệ sinh nam, nữ dành cho CB, GV, NV và học sinh đảm bảo sạch sẽ, thông thoáng không gây ô nhiễm môi trường.

Hệ thống cấp nước sạch có kiểm định chất lượng đảm bảo, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý rác cơ bản đáp ứng theo quy định.

3. Điểm yếu

Nhà vệ sinh học sinh số lượng bồn cầu ít chưa đủ để đáp ứng được nhu cầu chung của học sinh và chưa phù hợp nếu có học sinh khuyết tật hòa nhập (nếu có).

Chưa có hệ thống tiêu, thoát nước kiên cố xung quanh trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Thường xuyên kiểm tra khu vệ sinh cho HS, kiểm tra hệ thống cấp thoát nước, các thiết bị nhà vệ sinh học sinh xuống cấp hư hỏng cần có kế hoạch thay thế đảm bảo sử dụng có hiệu quả.

Nhà trường có kế hoạch tham mưu các cấp xây dựng hệ thống thoát nước đảm bảo không ứ đọng nước, giúp khuôn viên luôn sạch sẽ.

Đề nghị cấp trên xây thêm 1 nhà vệ sinh học sinh để bố trí hợp lý đặc biệt thuận lợi cho học sinh khuyết tật (nếu có).

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có đủ thiết bị văn phòng: máy tính kết nối mạng, máy in, máy photo, bàn ghế, tủ và các văn phòng phẩm, thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường theo quy định [H3-3.5-03]

Thiết bị, đồ dùng dạy học đảm bảo phục vụ cơ bản cho việc dạy và học các bộ môn: Tranh ảnh, đồ dùng thí nghiệm - thực hành, 32 máy tính +1 máy chiếu phòng Tin học, 1 màn hình tương tác phòng tiếng anh, 20 tivi phòng học [H3-3.5-01] [H3-3.5-03]

Hằng năm, nhà trường đều tổ chức kiểm kê, sửa chữa các thiết bị cần thiết phục vụ cho việc dạy học: Máy tính, Ti vi, đồ dùng dạy học bộ môn,.. [H3-3.5-01] [H3-3.5-02]

Mức 2:

Nhà trường có 03 đường dây Internet độc lập, có Wi-Fi đảm bảo phục vụ tốt các hoạt động học tin học, tiếng anh, quản lý hệ thống Vnedu, cơ sở dữ liệu, phần mềm kế toán, Văn thư , trường học kết nối, trang web qua mạng và sử dụng các phần mềm trực tuyến của nhà trường [H3-3.5-06]

Trang thiết bị dạy và học trong nhà trường đáp ứng được cơ bản các hoạt động dạy học. [H3-3.5-01], [H3-3.5-08]

Hằng năm, nhà trường đều có kế hoạch mua sắm bổ sung các thiết bị dạy học và tổ chức thi làm đồ dùng dạy học do giáo viên các bộ môn Toán-Tin, Vật lý-Sinh học, Văn, Sử - Địa lý, Tiếng anh- CN,...tự làm. [H3-3.5-01]

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được các giáo viên bộ môn khai thác, sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H3-3.5-07], [H3-3.5-08]

2. Điểm mạnh

Giáo viên tự làm đồ dùng và đăng ký sử dựng đồ dùng dạy học thường xuyên, mượn trả ký nhận đầy đủ, có phòng bảo quản đồ dùng, có 3 đường dây Internet độc lập, có Wifi hoạt động liên tục đảm bảo phục vụ tốt cho việc quản lý, dạy và học.

3. Điểm yếu

Một số thiết bị đã lâu, hư hỏng, thiếu đồng bộ nên khó khăn trong quá trình sử dụng. Thực hiện sửa chữa, bổ sung đồ dùng và thiết bị dạy học hàng năm còn hạn chế. Đồ dùng tự làm độ chính xác không cao, không đẹp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tham mưu với cấp trên đầu tư bổ sung trang thiết bị dạy học một cách đồng bộ. Huy động các nguồn vốn để hỗ trợ việc mua sắm các trang thiết bị, đồ dùng dạy học còn thiếu. Động viên giáo viên tham gia các cuộc thi tự làm đồ dùng dạy học của nhà trường và cấp trên phát động (nếu có).

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học và các hoạt động khác của nhà trường. [H3-3.6-01] [H3-3.6-05]

Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh. [H3-3.6-03] [H3-3.6-04]

Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo. [H3-3.6-01]

Mức 2:

Thư viện của nhà trường được xây dựng kiên cố đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định đang trong giai đoạn hoàn thiện công nhận Thư viện trường học đạt chuẩn (theo quy định tại Quyết định số 01/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông).[H3-3.2-07]

Mức 3:

Thư viện có máy tính được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu quản lý hoạt động giúp việc theo dõi quản lý thuận tiện trong hoạt động của thư viện.[H3-3.2-07]

2. Điểm mạnh

Phòng thư viện đã xây dựng theo hướng đạt chuẩn có phòng đọc và kho lưu trữ, đã sắp xếp, trang bị cơ sở vật chất, sách báo đủ phục vụ cho công tác soạn giảng, nghiên cứu, tham khảo của giáo viên và học tập của học sinh.

Đã sử dụng phần mềm quản lí thư viện nên việc thống kê tài liệu dễ dàng hơn.

3. Điểm yếu

Số lượng sách báo và tài liệu tham khảo chưa đa dạng, phong phú và chưa bổ sung thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiết tục tham mưu các cấp hoàn thiện hồ sơ để công nhận thư viện đạt chuẩn trong năm học.

Kiến nghị cấp trên bổ sung các đầu sách và tài liệu tham khảo đảm bảo cho nhu cầu của giáo viên và học sinh sử dụng, tham khảo, nghiên cứu.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Nhà trường có hệ thống CSVC đủ đáp ứng cho nhu cầu học tập của HS, trang thiết bị văn phòng phục vụ công tác quản lí, dạy học đáp ứng yêu cầu đổi mới.

Có công trình vệ sinh, nhà để xe tạm đáp ứng được nhu cầu của giáo viên và học sinh.

Xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp đảm bảo vệ sinh.

Thư viện - thiết bị nhà trường đã thực hiện hiệu quả chức năng cung cấp tài liệu, tư liệu tham khảo góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH của cán bộ, giáo viên và học sinh.

CSVC của nhà trường còn gặp nhiều khó khăn: hệ thống hàng rào chưa đạt tiêu chuẩn, phòng học chức năng còn thiếu trang thiết bị phục vụ cho học tập, máy tính cũ không đạt được yêu cầu phục vụ phần mềm học tập hiện nay, thư viện còn hạn chế đầu sách.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
    - Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %
    - Đạt Mức 1: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
    - Đạt Mức 2: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
    - Đạt Mức 3: 4/6 (3/5) tiêu chí chiếm 66.7 %

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, lớp được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động. Nhà trường đã chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức đoàn thể ở địa phương để huy động nguồn lực phát triển nhà trường và xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện của các tổ chức, cá nhân để xây dựng cơ sở vật chất; tăng thêm phương tiện, thiết bị dạy học; khen thưởng học sinh học giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc khác và hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Nhà trường phối hợp với các tổ chức đoàn thể ở địa phương, huy động sự tham gia của cộng đồng để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho học sinh và thực hiện tốt mục tiêu, kế hoạch giáo dục.

Muốn giáo dục trẻ có hiệu quả, cần xây dựng mối quan hệ gắn bó, bền chặt của ba yếu tố nhà trường – gia đình – xã hội. Nhận thức rõ vấn đề đó, trường THCS Nguyễn Du đã xây dựng chi tiết và cụ thể kế hoạch phối hợp giữa ba yếu tố trên nhằm giáo dục các em HS trở thành những con người phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ. Việc phối hợp đó là một trong những yếu tố góp phần tạo nên thành tích chung cho nhà trường trong những năm qua.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp, trường được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh (Thông tư số 55/2011/TT-BDĐT ngày 22/11/2011) [H4-4.1-01];

Ban đại diện cha mẹ học sinh đã xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể theo từng năm học. Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh được điều chỉnh và bổ sung kịp thời các nội dung gắn liền với hoạt động của nhà trường theo từng thời điểm [H4-4.1-02];

Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đề ra theo từng kì họp [H4-4.1-03]. Mỗi cuộc họp đều thể hiện các nội dung đã làm và chưa làm được ở các biên bản [H4-4.1-01].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp [H4-4.1-04].

Mức 3:

Công tác phối hợp giữa hội phụ huynh với nhà trường mạng lại hiệu quả.Tuy nhiên việc phối hợp với các tổ chức ngoài nhà trường trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh nhưng chưa mạng lại hiệu quả cao [H4-4.1-04] [H4-4.1-05]

2. Điểm mạnh

Trong những năm qua, Ban đại diện cha mẹ học sinh luôn làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, phối hợp với nhà trường trong công tác giáo dục đạo đức, tác phong, rèn kỹ năng sống cho học sinh. Ngoài ra, còn hỗ trợ kinh phí để khích lệ tinh thần học tập của học sinh trong các hội thi, các hoạt động vui chơi. Hàng năm, Ban đại diện cha mẹ học sinh cùng với nhà trường tổ chức cho các em đi tham quan thực tế tại các điểm địa chỉ đỏ, nghĩa trang liệt sĩ và một số di tích trên địa bàn huyện Đắk Song.

3. Điểm yếu

Sự phối hợp giữa Ban đại diện cha mẹ học sinh với nhà trường có hiệu quả, nhưng sự phối hợp của Ban đại diện cha mẹ học sinh với các tổ chức xã hội chưa đạt hiệu quả cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Ban đại diện cha mẹ học sinh cùng với nhà trường cần phối hợp tốt hơn nữa với các tổ chức xã hội để tận dụng tốt các nguồn lực xây dựng nhà trường ngày càng phát triển.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường chủ động trong công tác tham mưu với cấp uỷ, chính quyền địa phương trong kế hoạch và các biện pháp nhằm phát triển nhà trường [H4-4.2-01];

Nhà trường thường xuyên tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức khác nhau (qua các cuộc họp, băng rôn, khẩu hiệu, qua các phương tiện truyền thông,...) [H1-1.1-03].

Nhà trường huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân về việc quản lí tài sản, thiết bị giáo dục... đúng quy định [H4-4.2-02]

Mức 2:

Nhà trường tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H1-1.1-01]

Nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao, cho HS tham quan tìm hiểu địa chỉ Đỏ trên địa bàn xã [H4-4.2-03]

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

2. Điểm mạnh

Nhà trường tham mưu với Đảng ủy, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường, tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục. Phối hợp các tổ chức đoàn thể, cá nhân trong giáo dục truyền thống, lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống...

3. Điểm yếu

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương chưa đạt hiệu quả cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cần chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Ban đại diện CMHS trường và các Ban đại diện CMHS lớp được tổ chức hoạt động có hiệu quả, đúng theo Điều lệ Ban đại diện CMHS do Bộ GD&ĐT ban hành. Trường làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường. Vì vậy, Đảng ủy, chính quyền địa phương luôn quan tâm, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho hoạt động giáo dục. Làm tốt công tác phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, nhân dân địa phương, Ban đại diện CMHS đã xây dựng được môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh trong và ngoài nhà trường. Nhà trường đã phối hợp với các tổ chức đoàn thể của địa phương, huy động được sự tham gia của cộng đồng để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho học sinh và thực hiện mục tiêu, kế hoạch giáo dục.

Bên cạnh những thuận lợi đó, nhà trường cũng không tránh khỏi những khó khăn như: Một số đồng chí trong Ban đại diện CMHS của lớp và của trường chưa thực sự nhiệt tình; một số ít phụ huynh chưa thực sự quan tâm đến việc học tập của con em; một số học sinh vẫn chưa có ý thức cao trong việc tham gia các hoạt động phong trào nhà trường.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
    - Không đạt: 0/2 tiêu chí chiếm 0 %
    - Đạt Mức 1: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %
    - Đạt Mức 2: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %
    - Đạt Mức 3: 0/2 (0/2) tiêu chí chiếm 0 %

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục là một tiêu chuẩn quan trọng hàng đầu, chính vì vậy trong những năm qua trường THCS Nguyễn Du luôn chú ý đến việc thực hiện đúng chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời trường cũng thực hiện đầy đủ và nghiêm túc những quy định về chuyên môn mà Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đắk Song chỉ đạo. Nhờ có sự nỗ lực của tập thể cán bộ, giáo viên cũng như sự cố gắng của các em học sinh mà các hoạt động giáo dục của nhà trường đã được thực hiện một cách nghiêm túc, đáp ứng được mục tiêu giáo dục.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, năng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục

Đội ngũ giáo viên đã vận dụng tốt các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường.

Trong quá trình dạy học đội ngũ giáo viên đã bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn đối với học sinh.

Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh của đội ngũ giáo viên nhà trường đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.[H5-5.1-01]

Mức 2:

Nhà trường luôn thực hiện dạy và học đúng chương trình, kế hoạch giáo dục [H5-5.1-02]. Lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh [H5-5.1-02], [H5-5.1-03]

Hằng năm nhà trường lên kế hoạch, phân công phát hiện bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện [H5-5.1-04]

Mức 3:

Hằng năm nhà trường đều tiến hành rà soát, phân tích, đánh giá tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh, tuy nhiên kết quả đạt được chưa cao [H5-5.1-05] [H5-5.1-06]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch cụ thể chỉ đạo việc giảng dạy từng môn học theo hướng dẫn của Bộ, Sở GD&ĐT.

Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên hàng tháng, hàng tuần của BGH và tổ trưởng chuyên môn giúp giáo viên nâng cao hơn ý thức thực hiện theo đúng kế hoạch giảng dạy và học tập, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

Kết quả thực hiện các biện pháp, giải pháp tổ chức hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm học tới, nhà trường cần chủ động, sáng tạo trong việc vận dụng các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh đem lại kết quả cao hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện [H5-5.1-04].

Nhà trường đã chú trọng tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện [H5-5.1-04]

Cuối mỗi học kì và cuối năm học giáo viên chủ nhiệm báo cáo kết quả các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, trên cơ sở đó nhà trường tổng hợp và đề xuất các giải pháp cải tiến phù hợp [H1-1.5-02].

Trong những năm qua nhà trường đã thực hiện được một số mục tiêu dục theo kế hoạch giáo dục như đã tặng quà cho các em có hoàn cảnh gia đình khó khăn vào đầu năm, trung thu, tết nguyên đán. Đã khen thưởng kịp thời với học sinh có năng khiếu qua các kỳ thi vào sơ kết học kỳ hoặc cuối năm. Đã tổ chức phụ đạo ôn luyện cho những học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện vào dịp hè để các em đủ điều kiện học tập [H2-2.4-03].

Đã phối kết hợp xã, đồn biên phòng và các tổ chức tình nguyện để tặng quà động viên các em [H5-5.2-01].

Bên cạnh đó vấn đề phụ đạo cho các em học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện chưa làm thường xuyên, các em có năng khiếu thể thao chưa có nơi để luyện tập thường xuyên dẫn tới kết quả một số cuộc thi chưa cao.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục của nhà trường đề ra [H1-1.2-06].

Mức 3:

Hàng năm các em được tham gia các cuộc thi về văn hóa, thể thao và đạt được nhiều thành tích cao [H5-5.2-02].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn vững vàng, nhiệt tình, tâm huyết với nghề. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi được duy trì thường xuyên, có học sinh đạt giải tại các kỳ thi học sinh giỏi các cấp huyện, tỉnh. Công tác phụ đạo học sinh yếu kém thường xuyên được quan tâm và có giải pháp phù hợp giúp các em có tiến bộ trong học tập. Nhà trường có kế hoạch đỡ đầu, cũng như kêu gọi các tổ chức, cá nhân giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn để các em có động lực vươn lên trong học tập.

3. Điểm yếu

Đôi lúc chưa phát hiện kịp thời học sinh có hoàn cảnh khó khăn và học sinh có năng khiếu để giáo dục và hỗ trợ kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học này và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch cụ thể ngay từ đầu năm đối với vấn đề giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể, nhân dân địa phương, tạo sự quan tâm ủng hộ để đảm bảo khích lệ các em để có hứng thú và đam mê đối với năng khiếu các em.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;

c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương cho học sinh theo kế hoạch [H5-5.3-01]

Nội dung giáo dục phù hợp với mục tiêu môn học và gắn liền với lý luận với thực tiễn, tạo ra hứng thú, động lực học tập cho học sinh thông qua các môn học như: Lịch sử, Địa lý, Ngữ văn. Qua đó các em hiểu biết thêm về lịch sử và văn hóa địa phương. Từ đó khơi dậy niềm tự hào và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương.[H5-5.3-01]

Hằng năm, vào cuối học kì I và cuối năm học, nhà trường đều tổ chức rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương để lập kê hoạch giáo dục địa phương cho kì học, năm học tiếp theo.

Mức 2:

Nội dung giáo dục phù hợp với mục tiêu môn học và gắn liền lý luận với thực tiễn, tạo ra hứng thú, động lực cho học sinh học tập, từ đó khơi dậy niềm tự hào và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương [H5-5.3-02]

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện đúng và đánh giá đầy đủ nội dung giáo dục địa phương theo quy định của Bộ GD&ĐT, theo các văn bản chỉ đạo của Sở GD& ĐT, Phòng GD&ĐT có hiệu quả.

Học sinh được tiếp cận những vấn đề về địa phương rất gần gũi, gắn bó như: xem Clip và tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa của huyện Đắk Song, sưu tầm và tìm hiểu vốn từ địa phương gắn liền với cuộc sống sinh hoạt học sinh nên phát huy được vốn hiểu biết của mình thông qua hoạt động giáo dục địa phương. Từ đó giáo dục các em lòng yêu quê hương, đất nước, lòng tự hào về truyền thống văn hóa địa phương.

3. Điểm yếu

Tài liệu địa phương xuất bản đã lâu *(chính sách pháp luật thuế xuất bản năm 2000; Môn địa lý năm 2002)* nên chưa cập nhật kịp thời các số liệu mới nhất.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm học tới, nhà trường sẽ tăng cường công tác rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu nhằm góp ý điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương cho phù hợp với đối tượng học sinh, vùng miền. Tăng thời lượng hoạt động ngoại khóa cho giáo dục địa phương, tích cực tổ chức cho học sinh tham quan, học tập tại di tích lịch sử trên địa bàn. Bổ sung tư liệu giáo dục địa phương vào thư viện để học sinh và giáo viên có điều kiện đọc, tìm hiểu.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường [H5-5.4-01]

Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp đã được tổ chức theo kế hoạch, trong đó hoạt động trải nghiệm được giáo viên xây dựng thành kế hoạch bộ môn, đưa vào dạy trong chương trình học và tổ chức thực hiện tại 10 môn của tất cả các khối lớp 6,7,8,9. Hoạt động hướng nghiệp đã được tổ chức thực hiện đảm bảo với 9 tiết/năm học cho khối lớp 9 [H5-5.4-02].

Ngay từ đầu năm, nhà trường đã phân công giáo viên thực hiện dạy trải nghiệm và hướng nghiệp cho học sinh .

Mức 2:

Các hoạt động trải nghiệm đã được tổ chức với hình thức phong phú, mỗi môn học sinh được tham quan, trải nghiệm thực tế [H5-5.4-03].

Hoạt động hướng nghiệp được tổ chức theo tiết học với nhiều hình thức phong phú và đạt kết quả cao [H5-5.4-02].

Hằng năm nhà trường có tổ chức đánh giá các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp để rút kinh nghiệm cho những năm sau được thực hiện tốt hơn [H5-5.1-05].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được trường THCS Nguyễn Du tổ chức theo quy định và phù hợp với điều kiện nhà trường, lên kế hoạch, phân công cụ thể. Đội ngũ giáo viên đủ so với quy mô hiện có nên công tác phân công nhiệm vụ cho giáo viên dạy trải nghiệm và hướng nghiệp được phù hợp. Học sinh hứng thú trong các hoạt động trải nghiệm và tích cực học hỏi.

3. Điểm yếu

Hoạt động dạy trải nghiệm đã được tổ chức dưới nhiều hình thức, song khi thực hiện vẫn còn mốt số học sinh tham gia chưa thực sự nhiệt tình, còn rụt rè và chưa mạnh dạn.

Còn nhiều học sinh chưa ý thức tốt về việc học nghề phổ thông cũng như định hướng nghề cho bản thân.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tổ chức cho giáo viên được tập huấn về công tác hướng nghiệp ngay từ đầu năm học để thực hiện tốt công tác tư vấn và hướng nghiệp cho học sinh.

Tổ chức cho học sinh tham gia nhiều các hoạt động thực tế tại địa phương, các hoạt động tập thể tại trường, để qua đó học sinh mạnh dạn hơn khi tham gia các hoạt động trải nghiệm.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và tuyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống thông qua các hoạt động học tập, hoạt động tập thể cho học sinh [H5-5.5-01]

Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, vốn hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh đã có những chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục [H5-5.5-01].

Thông qua quá trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, đạo đức, lối sống từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam [H5-5.5-01]

Mức 2:

Quá trình học tập, giáo viên đã hướng dẫn và tổ chức cho học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của bản thân cho phù hợp [H5-5.5-02]

Qua quá trình học tập, đa số học sinh đã biết vận dụng kiến thức vào các hoạt động thực tiễn, vận dụng kiến thức để giải quyết các tình huống trong cuộc sống, phát huy được hiệu quả của việc vận dụng kĩ năng sống [H5-5.5-03], [H2-2.2-05]

Mức 3:

Nhà trường đều triển khai cuộc thi khoa học kĩ thuật theo đúng hướng dẫn của bộ giáo dục và của tỉnh, tổ chức cho học sinh thi khoa học kĩ thuật từ cấp trường, học sinh tham gia nhiệt tình, tích cực, đã có sản phẩm thi khoa học có ý nghĩa và đặc biệt đã có sản phẩm

có chất lượng đăng kí đi dự thi khoa học kĩ thuật cấp tỉnh được đánh giá cao. Sản phẩm tham dự hằng năm không ổn định và số lượng sản phẩm đạt kết quả còn ít [H5-5.5-04]

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có kế hoạch định hướng giáo dục cho học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương. Qua quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật học sinh đã có chuyển biến tích cực. Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán của địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

3. Điểm yếu

Vẫn còn một số ít học sinh chưa thực sự chú ý đến việc rèn luyện kĩ năng sống, chưa tích cực tham gia các hoạt động chung của nhà trường.

Kết quả các cuộc thi khoa học kỹ thuật hằng năm có sản phẩm tham dự nhưng chưa phong phú, đa dạng và chất lượng còn thấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục phát huy điểm mạnh, bổ sung kế hoạch kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường và điều kiện kinh tế xã hội của địa phương. Tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa hấp dẫn nhằm thu hút đông đảo học sinh tham gia. Qua đó giúp hình thành và phát trển các kỹ năng sống cho các em.

Tăng cường đầu tư cả về số lượng và chất lượng các sản phẩm của học sinh tham gia dự thi khoa học kĩ thuật dành cho thanh thiếu niên.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên.
- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên.
- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với

trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên.
- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên.
- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém.
- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém.
- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.
- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên;

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:
- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.
- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm nhà trường đánh giá, xếp loại học sinh theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Trong những năm học vừa qua, kết quả xếp loại học lực và hạnh kiểm của học sinh luôn đạt theo kế hoạch của nhà trường [H1-1.3-05] [H1-1.5-01]

Tỉ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp THCS các năm đều đạt so với kế hoạch đề ra [H5-5.6-01], [H5-5.6-02]

Hằng năm, phó hiệu trưởng lập kế hoạch phân luồng học sinh, phân công giáo viên chủ nhiệm giảng dạy đạt được kết quả đề ra [H5-5.6-03].

Mức 2:

Trong 5 năm từ năm học 2018 - 2019 đến năm học 2023 - 2021 kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực tính đến thời điểm đánh giá [H5-5.5-03].

Trong 5 năm từ năm học 2018 - 2019 đến năm học 2023- 2024 tỉ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có nhiều chuyển biến tích cực. Cụ thể:

+ Tỉ lệ tốt nghiệp đạt 100%. [H5-5.6-01]

+ Tỉ lệ học sinh lên lớp trong 5 năm tăng từ 99,2% lên 100% [H5-5.6-02]

Mức 3:

Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

Học lực

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường : Đạt 05%.

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường : Đạt 30%

-Tỷ lệ học sinh xếp loại trung bình khoảng 60%

- Tỉ lệ học sinh xếp loại yếu dước 5 %

Hạnh kiểm: tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt từ 98% trở lên.

Kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ hằng năm của địa phương đều được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn PCGD mức độ 3 và công nhận chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 [H5-5.6-03]

Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban: Không quá 08% học sinh bỏ học; không có học sinh lưu ban [H5-5.6-04]

2. Điểm mạnh

Tỉ lệ học sinh khá giỏi ngày càng tăng, học sinh đạt học sinh giỏi văn hóa thể dục thể thao, các môn năng khiếu cấp huyện, tỉnh ngày càng nhiều, không có học sinh lưu ban hằng năm.

Nhà trường đã duy trì tốt công tác giáo dục đạo đức học sinh, rèn luyện cho học sinh có ý thức kỷ luật cao, thực hiện nghiêm túc nội quy trường lớp.

Công tác phổ cập giáo dục - xóa mù chữ hằng năm được các cấp có thẩm quyền quan tâm, chỉ đạo sát sao và đạt được kết quả tốt.

3. Điểm yếu

Hàng năm tỉ lệ học sinh bỏ học còn cao, số lượng học sinh đạt giải trong các kì thi cấp tỉnh chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục thực hiện tốt việc đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục nhất là đối với học sinh lớp 9 để duy trì ổn định tỉ lệ xét tốt nghiệp 100%, đẩy mạnh công tác phụ đạo học sinh yếu, kém và bồi dưỡng học sinh giỏi. Nhà trường chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm tích cực vận động học sinh bỏ học ra lớp, tiếp tục phối hợp với hội khuyến học, các nhà tài trợ để giúp đỡ các em có hoàn cảnh khó khăn để tất cả các em đều được đến trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Hoạt động giảng dạy và học tập của nhà trường có nề nếp, phần lớn học sinh có ý thức học tập. Phong trào học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém luôn được duy trì tốt và có hiệu quả. Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoài giờ rèn kĩ năng sống cho học sinh. Công tác giáo dục thể chất và y tế học đường được chú trọng. Kết quả đánh giá xếp loại học lực và hạnh kiểm của học sinh đáp ứng được mục tiêu giáo dục cấp THCS. Kết quả hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trong trường đáp ứng được yêu cầu quy định. Công tác phổ cập giáo dục hằng năm đạt kết quả cao.

Bên cạnh những thành tích đạt được trong những năm học vừa qua, nhà trường cũng không tránh khỏi những khó khăn như: Một số CBGV lớn tuổi nên việc ứng dụng CNTT và giảng dạy còn hạn chế, một số ít học sinh chưa ham học, kĩ năng giao tiếp của một số ít học sinh còn hạn chế. Số lượng học sinh bỏ học theo các năm còn nhiều.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
    - Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %
    - Đạt Mức 1: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
    - Đạt Mức 2: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
    - Đạt Mức 3: 3/6 (1/4) tiêu chí chiếm 50 %

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

Tiêu chí 1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

2. Điểm mạnh

3. Điểm yếu

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 2: Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

2. Điểm mạnh

3. Điểm yếu

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 3: Nhà trường tại địa bàn vùng khó khăn có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Nhà trường các vùng còn lại có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn được cấp thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

2. Điểm mạnh

3. Điểm yếu

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 4: Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

2. Điểm mạnh

3. Điểm yếu

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 5: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

2. Điểm mạnh

3. Điểm yếu

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 6: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và công đồng ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

2. Điểm mạnh

3. Điểm yếu

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

5. Tự đánh giá: Không đạt

Kết luận:

Trường có đủ các phòng học đúng diện tích và trang thiết bị phù hợp với từng phòng theo đúng quy định của trường Trung học cơ sở. Có khuôn viên trường rộng rãi, có sân chơi, bãi tập ngoài trời và trong nhà cho học sinh hoạt động đảm bảo an toàn phù hợp. Thực hiện tốt việc xây dựng môi trường Xanh-Sạch-Đẹp. Tham mưu tốt với Lãnh đạo các cấp cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị nhà trường.

Hằng năm nhà trường có kiểm kê tài sản định kỳ, thanh lý những đồ dùng không sử dụng được.

Có đầy đủ các loại hồ sơ quản lý phòng Tin học, thiết bị, thư viện và y tế, có nội quy hoạt động rõ ràng. Các loại hồ sơ trên hàng tháng đều được Ban lãnh đạo ký duyệt.

CSVC còn gặp nhiều khó khăn, hệ thống hàng rào chưa đạt tiêu chuẩn, phòng học chức năng còn thiếu trang thiết bị phục vụ cho học tập, máy tính cũ không đạt được yêu cầu phục vụ phần mềm học tập hiện nay, thư viện còn hạn chế đầu sách.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:
    - Không đạt: 6/6 tiêu chí chiếm 100 %
    - Đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
    - Không đạt: 0/28 tiêu chí chiếm 0 %
    - Đạt Mức 1: (28/28) (28/28) tiêu chí chiếm 100 %
    - Đạt Mức 2: (28/28) (28/28) tiêu chí chiếm 100 %
    - Đạt Mức 3: (14/28) (6/20) tiêu chí chiếm 50 %
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:
    - Không đạt: 6/6 tiêu chí chiếm 100 %
    - Đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %

Trên đây là Báo cáo tự đánh giá KĐCLTC của trường THCS Nguyễn Du. Báo cáo tự đánh giá là kết quả lao động hết sức nghiêm túc, khoa học của tập thể CBGV- NV nhà trường, nhất là các thành viên trong HĐ tự đánh giá, các nhóm chuyên trách và nhóm thư ký. Từ thực tế đạt được và hệ thống minh chứng đã có, sắp xếp một cách khoa học, đối chiếu với Điều lệ trường phổ thông, các văn bản chỉ đạo của ngành, đặc biệt là Thông tư số: 18/2018/TT- BGDĐT, trường THCS Nguyễn Du tự đánh giá như sau:

1. Điểm mạnh của đơn vị

Về cơ cấu tổ chức nhà trường đã thành lập đầy đủ các hội đồng, các tổ tư vấn, Pháp chế, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các đoàn thể chính trị, các hội đồng và các tổ chức khác đầy đủ theo quy định hiện hành của Điều lệ trường trung học đã góp phần vào thành tích chung của trường. Về quản lý nhà trường đã triển khai đầy đủ các hoạt động theo quy định của ngành, lập kế hoạch cụ thể, bám sát chỉ đạo của các cấp quản lý, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường và địa phương, tổ chức thực hiện nghiêm túc có hiệu quả, theo dõi chi tiết, có đánh giá xếp loại và điều chỉnh hợp lý. Việc đánh giá xếp loại học sinh đúng tinh thần chỉ đạo và các văn bản hướng dẫn của các cấp đảm bảo tính khách quan, công bằng, công khai kịp thời. Về khuôn viên nhà trường được xây dựng riêng biệt, có tường rào, cổng trường, biển trường, các khu vực trong nhà trường được bố trí hợp lý, luôn sạch, đẹp. Đủ diện tích sử dụng để đảm bảo tổ chức các hoạt động quản lý, dạy học và sinh hoạt. Về CSVC cơ bản đủ phòng học cho mỗi lớp học không quá 2 ca mỗi ngày, diện tích phòng học, bàn ghế học sinh, bàn ghế giáo viên, bảng đúng quy cách, phòng học thoáng mát, đủ ánh sáng, an toàn. Có phòng y Tế, phòng thư viện hoạt động riêng biệt, có hiệu quả. Nhà trường làm tốt công tác quản lý hành chính, thông tin hai chiều thực hiện tốt, kịp thời. Chú trọng công tác bồi dưỡng đội ngũ, công tác thi đua khen thưởng được thực hiện công bằng, công khai, có tác dụng tích cực trong việc nâng cao chất lượng đào tạo. Đảm bảo An ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trong nhà trường theo quy định. Nhà trường có 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên đều đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn. Trao đổi thông tin kịp thời và chính xác trong nội bộ nhà trường, các cấp lãnh đạo, giữa nhà trường và cha mẹ học sinh. Qua những kết quả đạt được nói trên, trường THCS Nguyễn Du được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 năm 2019 của UBND tỉnh Đắk Nông nhà trường tiếp tục phấn đấu nỗ lực duy trì kết quả này qua năm học tiếp theo.

2. Điểm yếu của đơn vị. Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học còn thiếu, phòng học bộ môn chưa đủ, phòng học chưa đủ về số lượng để đảm bảo cho công tác dạy học phụ đạo và bồi dưỡng học sinh giỏi. Hệ thống bãi tập còn chưa đáp ứng, nhất là khu sân học thể chất của học sinh chưa đảm bảo.

Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục cơ sở, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên của BGD&ĐT. Trường trung học cơ sở Nguyễn Du tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt mức độ 1 trường chuẩn Quốc Gia.

Thuận Hạnh, ngày 15 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Trần Xuân Huyên